

Ngày 31/12/2025	17,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.8%	-12.1%	-1.7%

	2025	
ROE	5.7%	+/- YoY ▲ 3.4%

	Q4/25		
DT thuần	181	QoQ ▼ 79.0 ▼ 30.4%	YoY ▲ 62.0 ▲ 52.1%
	tỷ VNĐ		

	2025	
DT thuần	711	YoY ▲ 310 ▲ 77.2%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN gộp	56.4	QoQ ▼ 53.6 ▼ 48.7%	YoY ▲ 8.40 ▲ 17.5%
	tỷ VNĐ		

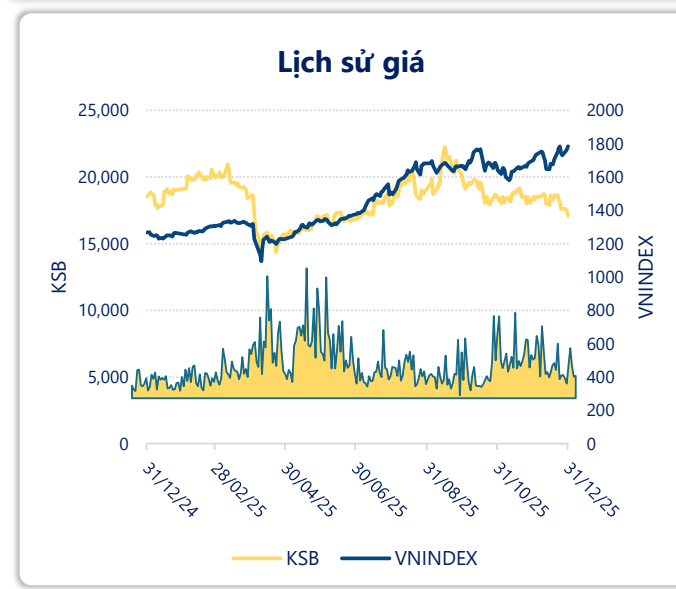
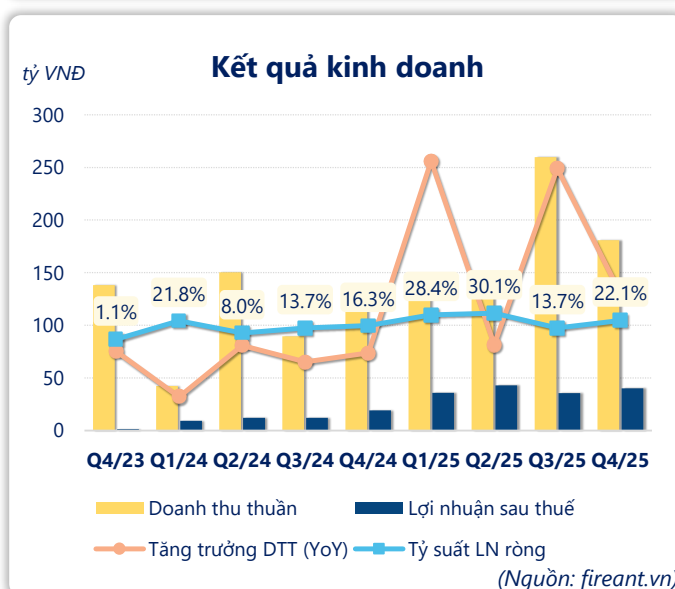
	2025	
LN gộp	289	YoY ▲ 111 ▲ 62.9%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN thuần	45.6	QoQ ▼ 8.20 ▼ 15.2%	YoY ▲ 8.10 ▲ 21.6%
	tỷ VNĐ		

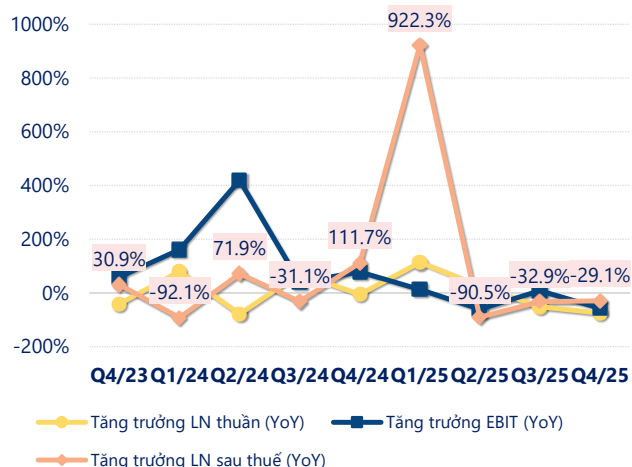
	2025	
LN thuần	186	YoY ▲ 64.0 ▲ 53.0%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN sau thuế	40.0	QoQ ▲ 4.60 ▲ 13.0%	YoY ▲ 20.7 ▲ 107%
	tỷ VNĐ		

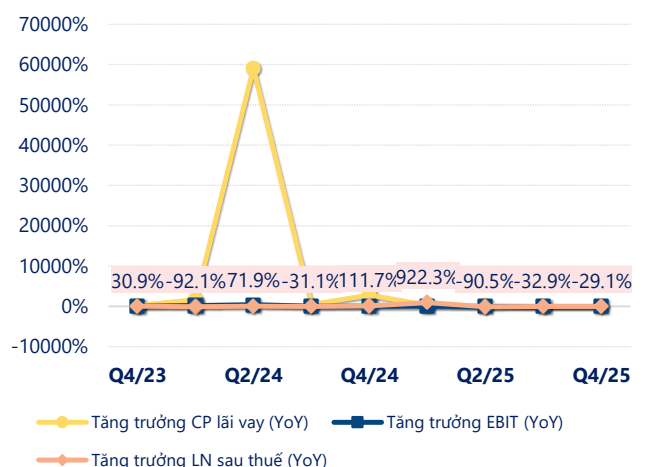
	2025	
LN sau thuế	154	YoY ▲ 101 ▲ 191%
	tỷ VNĐ	



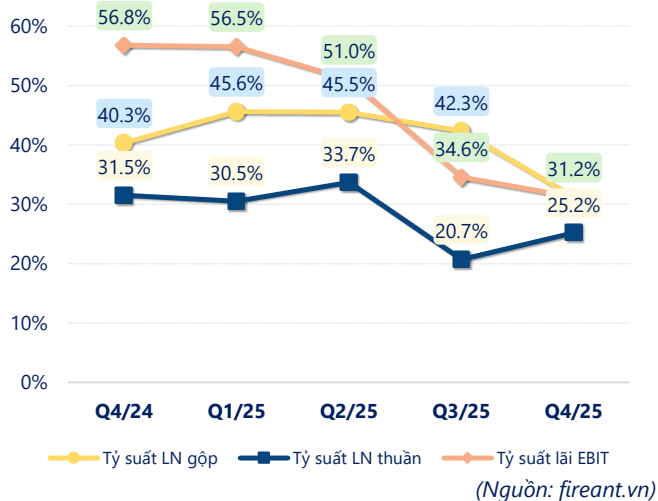
Tăng trưởng lợi nhuận



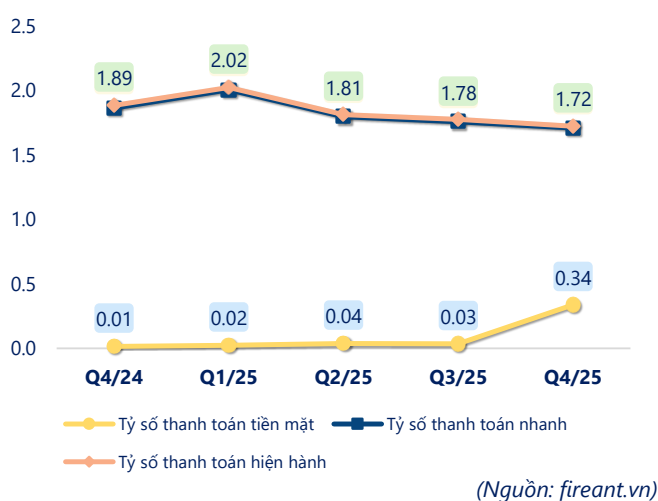
Tăng trưởng chi phí



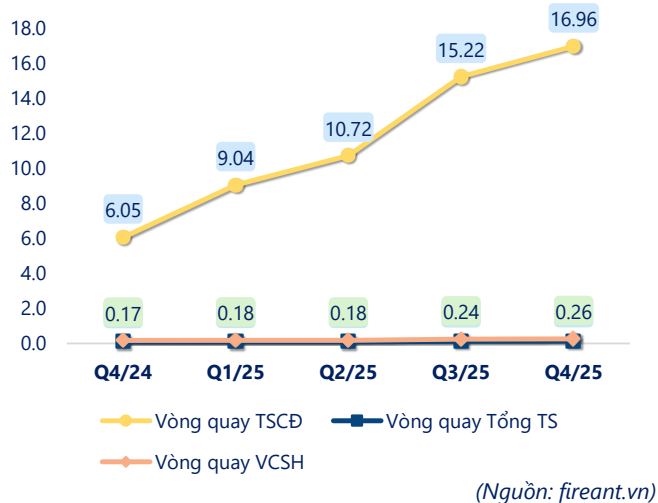
Tỷ suất lợi nhuận



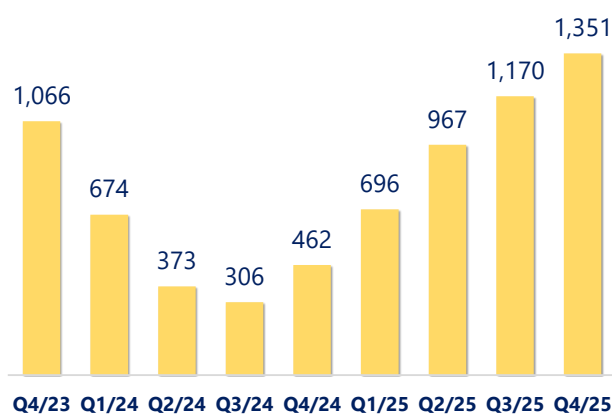
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	181	119	52.1%	711	401	77.2%
Giá vốn hàng bán	125	71.0	75.4%	421	224	88.5%
Lợi nhuận gộp	56.4	48.0	17.5%	289	178	62.9%
Doanh thu HĐTC	8.95	32.0	-72.0%	43.8	122	-64.2%
Chi phí TC	15.4	38.4	-59.8%	118	142	-16.5%
Chi phí lãi vay	15.4	38.3	-59.7%	118	141	-16.9%
LN trong công ty LKLD	22.2	13.9	59.8%	66.5	34.2	94.1%
Chi phí bán hàng	7.66	2.48	209%	21.9	14.4	51.9%
Chi phí QLDN	18.9	15.6	21.1%	73.3	56.6	29.5%
LN thuần từ HĐKD	45.6	37.5	21.6%	186	122	53.0%
Lợi nhuận khác	-4.56	-8.26	44.9%	-12.8	-38.0	66.3%
LN trước thuế	41.0	29.2	40.6%	173	83.7	107%
Lợi nhuận sau thuế	40.0	19.3	107%	154	53.0	191%
LNST của CĐ cty mẹ	40.1	19.4	107%	155	53.1	191%

(Nguồn: fireant.vn)

